TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 9 – 2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Tâm.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973, địa chỉ: Số B, Khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 29/4/2021, Biên bản hòa giải ngày 31/5/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án:*

- *Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D trình bày*: Vào năm 2020 bà và Ông Nguyễn Quốc D1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 12/3/2020. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Lý do xin ly hôn: Hôn nhân giữa vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là tánh tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, Ông D1 không có trách

nhiệm trụ cột gia đình, chỉ lo nhậu nhẹt, không cố gắng lao động. Dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng sứt mẻ trầm trọng và ly thân khoảng 01 năm nay. Nếu tiếp tục tình trạng này sẽ gây đau khổ cho nhau. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay vợ chồng hoàn toàn không có khả năng hàn gắn tình cảm để xây dựng một gia đình bền vững, hạnh phúc.

Nay Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về hôn nhân: Xin ly hôn với Ông Nguyễn Quốc D1.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Quốc D1 trình bày*: Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của Bà Nguyễn Thị D, vợ chồng kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, không có con chung; Tài sản chung cũng có nhưng ông sẽ gửi đơn tường trình sau, nợ chung không có. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 11/2020, Bà D bỏ về nhà bên mẹ ruột sống cho đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà D, ông không đồng ý ly hôn, do vợ chồng không có mâu thuẫn gì dẫn đến để ly hôn. Về con chung không có; Về tài sản chung thì có nhưng ông sẽ yêu cầu bổ sung sau; Về nợ chung không có.

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và Ông Nguyễn Quốc D1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn của

Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng ngày 12/3/2020, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, Bà D và Ông D1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, đến thời điểm này, cả Bà D và Ông D1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa tại phiên tòa, Ông D1 đồng ý ly hôn với Bà D. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà D đối với Ông D1.

[4] Về con chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[7] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với Ông Nguyễn Quốc D1.

2) Về con chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009844, ngày 29/4/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Bà D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

6) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);*
- *Uỷ ban nhân dân xã T;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vinh Thắng